

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 237/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 06/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 23,24/4/2021

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTTCB867	Phù Văn Chắt	12/10/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,0	DBG006852	CNTT/21/0845	Đạt	
2	CNTTCB868	Nguyễn Thị Chiến	04/10/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG006853	CNTT/21/0846	Đạt	
3	CNTTCB869	Vì Thị Chung	20/07/1986	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,5	8,0	DBG006854	CNTT/21/0847	Đạt	
4	CNTTCB870	Nguyễn Minh Hằng	06/08/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG006855	CNTT/21/0848	Đạt	
5	CNTTCB871	Hoàng Thị Hiệp	29/07/1989	Bắc Giang	Nữ	Nùng	8,0	8,0	DBG006856	CNTT/21/0849	Đạt	
6	CNTTCB873	Nguyễn Văn Hòa	27/09/2000	Tuyên Quang	Nam	Kinh	6,5	7,5	DBG006857	CNTT/21/0850	Đạt	
7	CNTTCB874	Ngọc Thị Huyền	26/01/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	DBG006858	CNTT/21/0851	Đạt	
8	CNTTCB875	Nguyễn Thị Lành	12/02/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG006859	CNTT/21/0852	Đạt	
9	CNTTCB876	Đỗ Thị Linh	13/05/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	DBG006860	CNTT/21/0853	Đạt	
10	CNTTCB877	Giáp Thị Lĩnh	10/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,7	9,0	DBG006861	CNTT/21/0854	Đạt	
11	CNTTCB878	Nguyễn Thị Phương Nam	08/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	9,0	DBG006862	CNTT/21/0855	Đạt	
12	CNTTCB879	Lương Thị Thanh Nga	27/08/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,0	DBG006863	CNTT/21/0856	Đạt	
13	CNTTCB880	Nguyễn Thị Đức Ngân	21/12/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG006864	CNTT/21/0857	Đạt	
14	CNTTCB881	Trần Thị Nụ	06/03/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG006865	CNTT/21/0858	Đạt	
15	CNTTCB882	Ngô Thị Phương	09/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,0	DBG006866	CNTT/21/0859	Đạt	
16	CNTTCB883	Bùi Văn Thụ	15/04/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,0	DBG006867	CNTT/21/0860	Đạt	
17	CNTTCB884	Nguyễn Sỹ Tuyển	14/10/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	DBG006868	CNTT/21/0861	Đạt	
18	CNTTCB885	Nguyễn Văn Viễn	23/11/1978	Thái Nguyên	Nam	Kinh	7,2	7,5	DBG006869	CNTT/21/0862	Đạt	
19	CNTTCB886	Ngô Thế Vũ	09/01/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	8,0	DBG006870	CNTT/21/0863	Đạt	
20	CNTTCB887	Đỗ Thị Xen	09/08/1986	Phú Thọ	Nữ	Kinh	8,0	8,0	DBG006871	CNTT/21/0864	Đạt	
21	CNTTCB888	Nguyễn Thị Xuân	08/01/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,5	DBG006872	CNTT/21/0865	Đạt	
22	CNTTCB889	Nguyễn Thị Xuân	14/06/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG006873	CNTT/21/0866	Đạt	
23	CNTTCB890	Nguyễn Thị Ái	06/02/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	DBG006874	CNTT/21/0867	Đạt	
24	CNTTCB891	Diệp Thị Lan Anh	26/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Diu	5,7	5,0	DBG006875	CNTT/21/0868	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
25	CNTTCB892	Lâm Thị Vân	Anh	04/03/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	5,7	6,0	DBG006876	CNTT/21/0869	Đạt	
26	CNTTCB893	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	6,0	DBG006877	CNTT/21/0870	Đạt	
27	CNTTCB894	Nguyễn Văn	Anh	20/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	DBG006878	CNTT/21/0871	Đạt	
28	CNTTCB895	Phạm Việt	Anh	25/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG006879	CNTT/21/0872	Đạt	
29	CNTTCB896	Phạm Việt	Anh	29/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG006880	CNTT/21/0873	Đạt	
30	CNTTCB897	Tô Thị Vân	Anh	24/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	6,0	DBG006881	CNTT/21/0874	Đạt	
31	CNTTCB898	Trần Thị Lâm	Anh	19/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,0	DBG006882	CNTT/21/0875	Đạt	
32	CNTTCB899	Trương Nguyễn Tuấn	Anh	21/11/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	DBG006883	CNTT/21/0876	Đạt	
33	CNTTCB900	Trương Việt	Anh	28/06/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG006884	CNTT/21/0877	Đạt	
34	CNTTCB901	Vũ Công	Anh	23/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG006885	CNTT/21/0878	Đạt	
35	CNTTCB902	Hà Thị Thu	Ánh	01/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG006886	CNTT/21/0879	Đạt	
36	CNTTCB903	Lưu Văn	Ánh	15/03/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG006887	CNTT/21/0880	Đạt	
37	CNTTCB904	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,5	DBG006888	CNTT/21/0881	Đạt	
38	CNTTCB905	Bằng Văn	Bảo	17/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG006889	CNTT/21/0882	Đạt	
39	CNTTCB906	Diệp Quốc	Bảo	09/07/2003	Bắc Giang	Nam	Phén	6,2	6,0	DBG006890	CNTT/21/0883	Đạt	
40	CNTTCB907	Phạm Quốc	Bảo	07/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG006891	CNTT/21/0884	Đạt	
41	CNTTCB908	Vì Văn	Bình	06/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG006892	CNTT/21/0885	Đạt	
42	CNTTCB909	Chu Văn	Bông	08/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG006893	CNTT/21/0886	Đạt	
43	CNTTCB910	Nguyễn Xuân	Cảnh	29/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006894	CNTT/21/0887	Đạt	
44	CNTTCB911	Đỗ Thị Thu	Chà	29/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	DBG006895	CNTT/21/0888	Đạt	
45	CNTTCB912	Lê Thị Ngọc	Chi	03/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG006896	CNTT/21/0889	Đạt	
46	CNTTCB913	Tạ Minh	Chiến	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,7	6,0	DBG006897	CNTT/21/0890	Đạt	
47	CNTTCB914	Trương Thành	Chiến	16/12/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,5	6,5	DBG006898	CNTT/21/0891	Đạt	
48	CNTTCB915	Lưu Đức	Chính	10/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	6,0	DBG006899	CNTT/21/0892	Đạt	
49	CNTTCB916	Nguyễn Thị	Chúc	04/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG006900	CNTT/21/0893	Đạt	
50	CNTTCB917	Hoàng Văn	Chung	03/06/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,0	5,5	DBG006901	CNTT/21/0894	Đạt	
51	CNTTCB918	Vì Văn	Chung	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	6,0	DBG006902	CNTT/21/0895	Đạt	
52	CNTTCB919	Lý Văn	Chuyên	22/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	DBG006903	CNTT/21/0896	Đạt	
53	CNTTCB920	Hoàng Triệu	Công	16/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	DBG006904	CNTT/21/0897	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
54	CNTTCB921	Đàm Văn	Cương	16/08/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,2	5,5	DBG006905	CNTT/21/0898	Đạt	
55	CNTTCB922	Lý Văn	Cương	16/06/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	6,2	6,0	DBG006906	CNTT/21/0899	Đạt	
56	CNTTCB923	Phạm Tiến	Cương	04/04/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,5	DBG006907	CNTT/21/0900	Đạt	
57	CNTTCB924	Bùi Mạnh	Cường	06/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG006908	CNTT/21/0901	Đạt	
58	CNTTCB925	Phạm Văn	Cường	26/05/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG006909	CNTT/21/0902	Đạt	
59	CNTTCB926	Phạm Bích	Diệp	30/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG006910	CNTT/21/0903	Đạt	
60	CNTTCB927	Nguyễn Ngọc	Diệu	07/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG006911	CNTT/21/0904	Đạt	
61	CNTTCB928	Vy Xuân	Dịu	31/03/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	6,5	DBG006912	CNTT/21/0905	Đạt	
62	CNTTCB929	Nguyễn Thị	Dung	16/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG006913	CNTT/21/0906	Đạt	
63	CNTTCB930	Triệu Thị	Dung	05/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG006914	CNTT/21/0907	Đạt	
64	CNTTCB931	Cao Văn	Dũng	02/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG006915	CNTT/21/0908	Đạt	
65	CNTTCB932	Hồ Anh	Dũng	29/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG006916	CNTT/21/0909	Đạt	
66	CNTTCB933	Hồng Mạnh	Dũng	07/11/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	DBG006917	CNTT/21/0910	Đạt	
67	CNTTCB934	Nguyễn Tiến	Dũng	23/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG006918	CNTT/21/0911	Đạt	
68	CNTTCB935	Nguyễn Đức	Duy	21/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	6,5	DBG006919	CNTT/21/0912	Đạt	
69	CNTTCB936	Nguyễn Xuân	Duy	15/06/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG006920	CNTT/21/0913	Đạt	
70	CNTTCB937	Trần Tiến	Duy	19/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG006921	CNTT/21/0914	Đạt	
71	CNTTCB938	Hoàng Văn	Duyên	27/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG006922	CNTT/21/0915	Đạt	
72	CNTTCB939	Trương Thị	Duyên	27/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	6,0	DBG006923	CNTT/21/0916	Đạt	
73	CNTTCB940	Hoàng Văn	Dương	22/04/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG006924	CNTT/21/0917	Đạt	
74	CNTTCB941	Ngô Nguyễn Đức	Dương	13/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	DBG006925	CNTT/21/0918	Đạt	
75	CNTTCB942	Vì Ánh	Dương	17/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,5	DBG006926	CNTT/21/0919	Đạt	
76	CNTTCB943	Chu Văn	Đại	22/10/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	6,0	DBG006927	CNTT/21/0920	Đạt	
77	CNTTCB944	Mạc Văn	Đại	25/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG006928	CNTT/21/0921	Đạt	
78	CNTTCB945	Chu Thị	Điện	02/06/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	6,0	DBG006929	CNTT/21/0922	Đạt	
79	CNTTCB946	Đặng Ngọc	Diệp	19/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	DBG006930	CNTT/21/0923	Đạt	
80	CNTTCB947	Trương Quang	Diệp	14/06/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,7	6,0	DBG006931	CNTT/21/0924	Đạt	
81	CNTTCB948	Trương Văn	Diệp	17/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	6,0	DBG006932	CNTT/21/0925	Đạt	
82	CNTTCB949	Vũ Quang	Định	07/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG006933	CNTT/21/0926	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
83	CNTTCB950	Ban Văn Đoàn	29/03/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	6,0	DBG006934	CNTT/21/0927	Đạt	
84	CNTTCB951	Triệu Hồng Đoàn	16/01/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	6,0	DBG006935	CNTT/21/0928	Đạt	
85	CNTTCB952	Vi Văn Đoàn	08/11/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG006936	CNTT/21/0929	Đạt	
86	CNTTCB953	Leo Văn Đô	22/03/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	5,5	DBG006937	CNTT/21/0930	Đạt	
87	CNTTCB954	Trịnh Đức Độ	25/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,0	DBG006938	CNTT/21/0931	Đạt	
88	CNTTCB955	Nguyễn Thành Đôn	23/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG006939	CNTT/21/0932	Đạt	
89	CNTTCB956	Vi Văn Đông	11/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	DBG006940	CNTT/21/0933	Đạt	
90	CNTTCB957	Mạc Văn Đức	14/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG006941	CNTT/21/0934	Đạt	
91	CNTTCB958	Hoàng Văn Được	14/11/2003	Bắc Giang	Nam	Phén	6,5	5,5	DBG006942	CNTT/21/0935	Đạt	
92	CNTTCB959	Đặng Hoàng Giang	18/04/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG006943	CNTT/21/0936	Đạt	
93	CNTTCB960	Hoàng Ngọc Giang	29/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	6,0	DBG006944	CNTT/21/0937	Đạt	
94	CNTTCB961	Thăng Thị Hà	05/11/2002	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,5	DBG006945	CNTT/21/0938	Đạt	
95	CNTTCB962	Triệu Thị Thu Hà	15/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,5	DBG006946	CNTT/21/0939	Đạt	
96	CNTTCB963	Vi Văn Hà	28/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	5,0	DBG006947	CNTT/21/0940	Đạt	
97	CNTTCB964	Giáp Thị Bích Hạnh	16/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG006948	CNTT/21/0941	Đạt	
98	CNTTCB965	Luân Thị Hạnh	20/07/2002	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	DBG006949	CNTT/21/0942	Đạt	
99	CNTTCB966	Hoàng Thị Hằng	10/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	DBG006950	CNTT/21/0943	Đạt	
100	CNTTCB967	Nguyễn Thị Bích Hằng	14/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG006951	CNTT/21/0944	Đạt	
101	CNTTCB968	Tạ Thị Hằng	25/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG006952	CNTT/21/0945	Đạt	
102	CNTTCB969	Nguyễn Thị Hân	01/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG006953	CNTT/21/0946	Đạt	
103	CNTTCB970	Hoàng Thị Hậu	16/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,5	DBG006954	CNTT/21/0947	Đạt	
104	CNTTCB971	Nông Văn Hậu	04/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG006955	CNTT/21/0948	Đạt	
105	CNTTCB972	Hoàng Thị Hiền	25/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Hoa	5,7	5,5	DBG006956	CNTT/21/0949	Đạt	
106	CNTTCB973	Lâm Văn Hiền	01/11/2002	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,0	DBG006957	CNTT/21/0950	Đạt	
107	CNTTCB974	Trần Quang Hiền	05/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006958	CNTT/21/0951	Đạt	
108	CNTTCB975	Văn Phú Hiền	29/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006959	CNTT/21/0952	Đạt	
109	CNTTCB976	Vi Thị Thu Hiền	20/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	5,0	DBG006960	CNTT/21/0953	Đạt	
110	CNTTCB977	Vũ Minh Hiền	01/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG006961	CNTT/21/0954	Đạt	
111	CNTTCB978	Mạc Văn Hiền	04/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG006962	CNTT/21/0955	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
112	CNTTCB979	Dương Xuân	Hiệp	13/11/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	5,0	DBG006963	CNTT/21/0956	Đạt	
113	CNTTCB980	Hoàng Văn	Hiệp	21/02/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,0	DBG006964	CNTT/21/0957	Đạt	
114	CNTTCB981	Trần Đức	Hiệp	28/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	5,7	5,5	DBG006965	CNTT/21/0958	Đạt	
115	CNTTCB982	Đặng Bùi Minh	Hiếu	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	DBG006966	CNTT/21/0959	Đạt	
116	CNTTCB983	Đỗ Hữu	Hiếu	15/05/1971	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	5,5	DBG006967	CNTT/21/0960	Đạt	
117	CNTTCB984	Hoàng Trung	Hiếu	18/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006968	CNTT/21/0961	Đạt	
118	CNTTCB985	Lê Văn	Hiếu	18/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG006969	CNTT/21/0962	Đạt	
119	CNTTCB986	Ngô Văn	Hiếu	09/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	DBG006970	CNTT/21/0963	Đạt	
120	CNTTCB987	Nguyễn Văn	Hiếu	24/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG006971	CNTT/21/0964	Đạt	
121	CNTTCB988	Thôi Văn	Hiếu	17/04/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,7	5,0	DBG006972	CNTT/21/0965	Đạt	
122	CNTTCB989	Trần Minh	Hiếu	20/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG006973	CNTT/21/0966	Đạt	
123	CNTTCB990	Vì Văn	Hiếu	26/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006974	CNTT/21/0967	Đạt	
124	CNTTCB991	Nguyễn Thị	Hoa	13/08/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG006975	CNTT/21/0968	Đạt	
125	CNTTCB992	Ninh Thị Phương	Hoa	02/08/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,5	5,5	DBG006976	CNTT/21/0969	Đạt	
126	CNTTCB993	Trịnh Thị	Hoa	12/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG006977	CNTT/21/0970	Đạt	
127	CNTTCB994	Thăng Thị	Hoài	03/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Diu	5,5	5,0	DBG006978	CNTT/21/0971	Đạt	
128	CNTTCB995	Lý Văn	Hoan	01/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006979	CNTT/21/0972	Đạt	
129	CNTTCB996	Dương Văn	Hoàng	23/10/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	5,7	5,5	DBG006980	CNTT/21/0973	Đạt	
130	CNTTCB997	Dương Việt	Hoàng	21/03/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG006981	CNTT/21/0974	Đạt	
131	CNTTCB998	Lâm Văn	Hoàng	18/09/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	6,2	5,0	DBG006982	CNTT/21/0975	Đạt	
132	CNTTCB999	Lê Việt	Hoàng	26/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG006983	CNTT/21/0976	Đạt	
133	CNTTCB1000	Leo Văn	Hoàng	12/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	6,2	5,0	DBG006984	CNTT/21/0977	Đạt	
134	CNTTCB1001	Nguyễn Huy	Hoàng	27/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG006985	CNTT/21/0978	Đạt	
135	CNTTCB1002	Nguyễn Thị Kim	Hồng	28/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG006986	CNTT/21/0979	Đạt	
136	CNTTCB1003	Lại Văn	Hợp	03/08/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,2	5,0	DBG006987	CNTT/21/0980	Đạt	
137	CNTTCB1004	Cao Hoàng	Huấn	27/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG006988	CNTT/21/0981	Đạt	
138	CNTTCB1005	Lê Thị	Huệ	20/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	DBG006989	CNTT/21/0982	Đạt	
139	CNTTCB1006	Chu Việt	Hùng	25/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	5,7	5,5	DBG006990	CNTT/21/0983	Đạt	
140	CNTTCB1007	Trịnh Việt	Hùng	29/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006991	CNTT/21/0984	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
141	CNTTCB1008	Nguyễn Viết	Huy	16/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG006992	CNTT/21/0985	Đạt	
142	CNTTCB1009	Nông Đức	Huy	20/12/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006993	CNTT/21/0986	Đạt	
143	CNTTCB1010	Trần Quang	Huy	20/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG006994	CNTT/21/0987	Đạt	
144	CNTTCB1011	Trần Quốc	Huy	08/08/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,5	5,0	DBG006995	CNTT/21/0988	Đạt	
145	CNTTCB1012	Trần Văn	Huy	14/05/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG006996	CNTT/21/0989	Đạt	
146	CNTTCB1013	Trần Văn	Huy	26/06/2002	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,5	5,0	DBG006997	CNTT/21/0990	Đạt	
147	CNTTCB1014	Nguyễn Thị	Huyền	14/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG006998	CNTT/21/0991	Đạt	
148	CNTTCB1015	Nguyễn Thu	Huyền	01/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	DBG006999	CNTT/21/0992	Đạt	
149	CNTTCB1016	Mạc Văn	Huỳnh	13/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG007000	CNTT/21/0993	Đạt	
150	CNTTCB1017	Từ Văn	Huỳnh	11/06/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,0	5,5	DBG007001	CNTT/21/0994	Đạt	
151	CNTTCB1018	Nguyễn Thị	Hương	23/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG007002	CNTT/21/0995	Đạt	
152	CNTTCB1019	Phạm Thị	Hương	13/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG007003	CNTT/21/0996	Đạt	
153	CNTTCB1020	Vi Thị	Hường	21/09/2002	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	DBG007004	CNTT/21/0997	Đạt	
154	CNTTCB1021	Giáp Thị	Hường	17/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	DBG007005	CNTT/21/0998	Đạt	
155	CNTTCB1022	Lê Duy	Khải	02/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG007006	CNTT/21/0999	Đạt	
156	CNTTCB1023	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	DBG007007	CNTT/21/1000	Đạt	
157	CNTTCB1024	Đặng Văn	Khương	05/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,5	DBG007008	CNTT/21/1001	Đạt	
158	CNTTCB1025	Đàm Trung	Kiên	27/03/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG007009	CNTT/21/1002	Đạt	
159	CNTTCB1026	Hồ Mạnh	Kiên	25/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG007010	CNTT/21/1003	Đạt	
160	CNTTCB1027	Nguyễn Văn	Kiên	11/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	DBG007011	CNTT/21/1004	Đạt	
161	CNTTCB1028	Chu Quốc	Lai	18/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	DBG007012	CNTT/21/1005	Đạt	
162	CNTTCB1029	Leo Thị	Lan	22/10/2002	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,0	DBG007013	CNTT/21/1006	Đạt	
163	CNTTCB1030	Nông Thị	Lan	24/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	5,7	5,5	DBG007014	CNTT/21/1007	Đạt	
164	CNTTCB1031	Tạ Thị Ngọc	Lan	10/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,0	DBG007015	CNTT/21/1008	Đạt	
165	CNTTCB1032	Vi Ngọc	Lâm	16/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG007016	CNTT/21/1009	Đạt	
166	CNTTCB1033	Vi Trường	Lâm	18/11/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG007017	CNTT/21/1010	Đạt	
167	CNTTCB1034	Lăng Thị	Lệ	29/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,0	DBG007018	CNTT/21/1011	Đạt	
168	CNTTCB1035	Vi Thị	Lệ	06/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG007019	CNTT/21/1012	Đạt	
169	CNTTCB1036	Hoàng Văn	Lịch	23/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG007020	CNTT/21/1013	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
170	CNTTCB1037	Đào Thị Liên	12/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG007021	CNTT/21/1014	Đạt	
171	CNTTCB1038	Hoàng Thị Khánh Linh	06/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,5	5,5	DBG007022	CNTT/21/1015	Đạt	
172	CNTTCB1039	Lý Thị Linh	22/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,2	5,0	DBG007023	CNTT/21/1016	Đạt	
173	CNTTCB1040	Nguyễn Thị Trà Linh	23/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,0	DBG007024	CNTT/21/1017	Đạt	
174	CNTTCB1041	Trần Thị Thùy Linh	17/07/2002	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,0	DBG007025	CNTT/21/1018	Đạt	
175	CNTTCB1042	Triệu Thị Thùy Linh	29/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG007026	CNTT/21/1019	Đạt	
176	CNTTCB1043	Trịnh Thị Linh	18/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,5	5,5	DBG007027	CNTT/21/1020	Đạt	
177	CNTTCB1044	Đặng Thị Loan	17/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG007028	CNTT/21/1021	Đạt	
178	CNTTCB1045	Đặng Văn Long	08/03/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	DBG007029	CNTT/21/1022	Đạt	
179	CNTTCB1046	Nguyễn Minh Long	23/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG007030	CNTT/21/1023	Đạt	
180	CNTTCB1047	Nhiều Bảo Long	28/10/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	5,0	DBG007031	CNTT/21/1024	Đạt	
181	CNTTCB1048	Vì Thị Lộc	18/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG007032	CNTT/21/1025	Đạt	
182	CNTTCB1049	Phạm Văn Luận	24/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG007033	CNTT/21/1026	Đạt	
183	CNTTCB1050	Nguyễn Quang Lực	12/12/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,5	6,0	DBG007034	CNTT/21/1027	Đạt	
184	CNTTCB1051	Trần Đàm Khánh Ly	29/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,0	DBG007035	CNTT/21/1028	Đạt	
185	CNTTCB1052	Nông Thị Mai	13/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,5	DBG007036	CNTT/21/1029	Đạt	
186	CNTTCB1053	Dương Văn Mạnh	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	DBG007037	CNTT/21/1030	Đạt	
187	CNTTCB1054	Nguyễn Hữu Mạnh	28/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	DBG007038	CNTT/21/1031	Đạt	
188	CNTTCB1055	Nguyễn Phúc Mạnh	15/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,5	DBG007039	CNTT/21/1032	Đạt	
189	CNTTCB1056	Hoàng Thị Miên	21/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	DBG007040	CNTT/21/1033	Đạt	
190	CNTTCB1057	Vũ Thị Miên	23/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG007041	CNTT/21/1034	Đạt	
191	CNTTCB1058	Nông Thị Miêu	20/12/2002	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	DBG007042	CNTT/21/1035	Đạt	
192	CNTTCB1059	Đoàn Quang Minh	04/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,5	DBG007043	CNTT/21/1036	Đạt	
193	CNTTCB1060	Lư Văn Minh	10/09/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,5	5,0	DBG007044	CNTT/21/1037	Đạt	
194	CNTTCB1061	Lục Văn Minh	24/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG007045	CNTT/21/1038	Đạt	
195	CNTTCB1062	Nguyễn Đức Minh	31/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	DBG007046	CNTT/21/1039	Đạt	
196	CNTTCB1063	Nguyễn Thế Minh	24/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG007047	CNTT/21/1040	Đạt	
197	CNTTCB1064	Nguyễn Văn Minh	22/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG007048	CNTT/21/1041	Đạt	
198	CNTTCB1065	Trương Văn Minh	27/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG007049	CNTT/21/1042	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
199	CNTTCB1066	Lăng Thị	Mùi	27/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,0	DBG007050	CNTT/21/1043	Đạt	
200	CNTTCB1067	Lành Tuyết	My	24/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,5	5,5	DBG007051	CNTT/21/1044	Đạt	
201	CNTTCB1068	Hoàng Văn	Mỹ	01/03/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,0	DBG007052	CNTT/21/1045	Đạt	
202	CNTTCB1069	Trần Thị	Mỹ	05/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	DBG007053	CNTT/21/1046	Đạt	
203	CNTTCB1070	Chu Quang	Nam	23/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG007054	CNTT/21/1047	Đạt	
204	CNTTCB1071	Hoàng Gia	Nam	17/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG007055	CNTT/21/1048	Đạt	
205	CNTTCB1072	Phạm Văn	Nam	19/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG007056	CNTT/21/1049	Đạt	
206	CNTTCB1073	Trung Hải	Nam	23/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG007057	CNTT/21/1050	Đạt	
207	CNTTCB1074	Khúc Thị	Nga	08/03/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,0	DBG007058	CNTT/21/1051	Đạt	
208	CNTTCB1075	Lê Thị Vân	Nga	23/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG007059	CNTT/21/1052	Đạt	
209	CNTTCB1076	Lý Thị	Nga	12/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,0	DBG007060	CNTT/21/1053	Đạt	
210	CNTTCB1077	Đỗ Thị	Ngân	02/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG007061	CNTT/21/1054	Đạt	
211	CNTTCB1078	Hoàng Thị Kim	Ngân	13/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,2	5,0	DBG007062	CNTT/21/1055	Đạt	
212	CNTTCB1079	Nguyễn Thị Phương	Ngân	13/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG007063	CNTT/21/1056	Đạt	
213	CNTTCB1080	Nông Thục	Ngân	22/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	5,0	DBG007064	CNTT/21/1057	Đạt	
214	CNTTCB1081	Vì Thị	Ngân	30/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG007065	CNTT/21/1058	Đạt	
215	CNTTCB1082	Vũ Đức	Nghĩa	22/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	DBG007066	CNTT/21/1059	Đạt	
216	CNTTCB1083	Trịnh Đăng	Ngọ	14/05/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG007067	CNTT/21/1060	Đạt	
217	CNTTCB1084	Dương Thị Thanh	Ngoan	22/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG007068	CNTT/21/1061	Đạt	
218	CNTTCB1085	Ân Thị	Ngọc	15/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG007069	CNTT/21/1062	Đạt	
219	CNTTCB1086	Hoàng Thị	Ngọc	17/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,5	DBG007070	CNTT/21/1063	Đạt	
220	CNTTCB1087	Lục Thị	Ngọc	02/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	DBG007071	CNTT/21/1064	Đạt	
221	CNTTCB1088	Trần Như	Ngọc	28/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG007072	CNTT/21/1065	Đạt	
222	CNTTCB1089	Thân Quang	Nguyễn	02/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG007073	CNTT/21/1066	Đạt	
223	CNTTCB1090	Nguyễn Phú	Nhã	21/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,5	DBG007074	CNTT/21/1067	Đạt	
224	CNTTCB1091	Giáp Văn	Nhật	15/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG007075	CNTT/21/1068	Đạt	
225	CNTTCB1092	Hoàng Văn	Nhật	25/11/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	7,0	5,5	DBG007076	CNTT/21/1069	Đạt	
226	CNTTCB1093	Hoàng Thị	Nhung	03/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	DBG007077	CNTT/21/1070	Đạt	
227	CNTTCB1094	Hoàng Thị	Nhung	11/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG007078	CNTT/21/1071	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
228	CNTTCB1095	Thân Thị	Nhung	01/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG007079	CNTT/21/1072	Đạt	
229	CNTTCB1096	Hoàng Thị	Oanh	11/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	5,0	DBG007080	CNTT/21/1073	Đạt	
230	CNTTCB1097	La Thị	Oanh	05/03/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,0	5,5	DBG007081	CNTT/21/1074	Đạt	
231	CNTTCB1098	Lý Thị	Oanh	15/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,7	5,0	DBG007082	CNTT/21/1075	Đạt	
232	CNTTCB1099	Nguyễn Thị Kim	Oanh	03/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG007083	CNTT/21/1076	Đạt	
233	CNTTCB1100	Nguyễn Đức Tuấn	Phi	27/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG007084	CNTT/21/1077	Đạt	
234	CNTTCB1101	Hoàng Văn	Phong	06/10/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,0	DBG007085	CNTT/21/1078	Đạt	
235	CNTTCB1102	Trần Đắc	Phong	06/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	DBG007086	CNTT/21/1079	Đạt	
236	CNTTCB1103	Hoàng Văn	Phúc	14/06/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,5	5,5	DBG007087	CNTT/21/1080	Đạt	
237	CNTTCB1104	Trương Văn Minh	Phúc	08/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG007088	CNTT/21/1081	Đạt	
238	CNTTCB1105	Vì Văn	Phúc	22/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG007089	CNTT/21/1082	Đạt	
239	CNTTCB1106	Trịnh Văn	Phục	05/08/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,2	5,0	DBG007090	CNTT/21/1083	Đạt	
240	CNTTCB1107	Nguyễn Văn	Phụng	21/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG007091	CNTT/21/1084	Đạt	
241	CNTTCB1108	Hoàng Thị	Phương	31/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	DBG007092	CNTT/21/1085	Đạt	
242	CNTTCB1109	Luân Thị	Phương	04/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,7	5,0	DBG007093	CNTT/21/1086	Đạt	
243	CNTTCB1110	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG007094	CNTT/21/1087	Đạt	
244	CNTTCB1111	Nguyễn Văn	Phương	18/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG007095	CNTT/21/1088	Đạt	
245	CNTTCB1112	Trần Văn	Phương	15/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG007096	CNTT/21/1089	Đạt	
246	CNTTCB1113	Bùi Minh	Phượng	01/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG007097	CNTT/21/1090	Đạt	
247	CNTTCB1114	Hoàng Thị	Phượng	24/01/1988	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,5	5,5	DBG007098	CNTT/21/1091	Đạt	
248	CNTTCB1115	Đình Văn	Quang	14/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG007099	CNTT/21/1092	Đạt	
249	CNTTCB1116	Đường Minh	Quang	03/01/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,7	5,5	DBG007100	CNTT/21/1093	Đạt	
250	CNTTCB1117	Hoàng Văn	Quang	09/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG007101	CNTT/21/1094	Đạt	
251	CNTTCB1118	Lục Văn	Quang	21/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG007102	CNTT/21/1095	Đạt	
252	CNTTCB1119	Trần Minh	Quang	28/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG007103	CNTT/21/1096	Đạt	
253	CNTTCB1120	Hà Văn	Quân	22/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,0	DBG007104	CNTT/21/1097	Đạt	
254	CNTTCB1121	Hồ Minh	Quân	11/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG007105	CNTT/21/1098	Đạt	
255	CNTTCB1122	Nguyễn Văn	Quân	06/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG007106	CNTT/21/1099	Đạt	
256	CNTTCB1123	Hoàng Văn	Quý	14/09/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG007107	CNTT/21/1100	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
257	CNTTCB1124	Nguyễn Văn	Quốc	12/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	DBG007108	CNTT/21/1101	Đạt	
258	CNTTCB1125	Triệu Văn	Quốc	29/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG007109	CNTT/21/1102	Đạt	
259	CNTTCB1126	Vi Văn	Quốc	26/04/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	7,0	5,5	DBG007110	CNTT/21/1103	Đạt	
260	CNTTCB1127	Nguyễn Ngọc	Quý	24/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG007111	CNTT/21/1104	Đạt	
261	CNTTCB1128	Giáp Thị	Quyên	14/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG007112	CNTT/21/1105	Đạt	
262	CNTTCB1129	Lưu Văn	Quyến	06/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,5	DBG007113	CNTT/21/1106	Đạt	
263	CNTTCB1130	Mạc Văn	Quyền	10/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,0	DBG007114	CNTT/21/1107	Đạt	
264	CNTTCB1131	Dương Văn	Quyết	17/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	DBG007115	CNTT/21/1108	Đạt	
265	CNTTCB1132	Mạc Hương	Quỳnh	31/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG007116	CNTT/21/1109	Đạt	
266	CNTTCB1133	Nguyễn Thị	Quỳnh	03/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG007117	CNTT/21/1110	Đạt	
267	CNTTCB1134	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	13/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG007118	CNTT/21/1111	Đạt	
268	CNTTCB1135	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	13/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG007119	CNTT/21/1112	Đạt	
269	CNTTCB1136	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	02/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG007120	CNTT/21/1113	Đạt	
270	CNTTCB1137	Phạm Ngọc	Quỳnh	04/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG007121	CNTT/21/1114	Đạt	
271	CNTTCB1138	Vũ Thị Ngọc	Quỳnh	14/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	DBG007122	CNTT/21/1115	Đạt	
272	CNTTCB1139	Lương Hoàng	Rồng	09/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	DBG007123	CNTT/21/1116	Đạt	
273	CNTTCB1140	Nguyễn Văn	Sang	10/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG007124	CNTT/21/1117	Đạt	
274	CNTTCB1141	Phạm Tùng	Sinh	27/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	DBG007125	CNTT/21/1118	Đạt	
275	CNTTCB1142	Từ Văn	Sinh	20/04/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,2	5,5	DBG007126	CNTT/21/1119	Đạt	
276	CNTTCB1143	Hoàng Quang	Sơn	12/03/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,5	DBG007127	CNTT/21/1120	Đạt	
277	CNTTCB1144	Hoàng Quốc	Sơn	13/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG007128	CNTT/21/1121	Đạt	
278	CNTTCB1145	Hoàng Thanh	Sơn	05/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	DBG007129	CNTT/21/1122	Đạt	
279	CNTTCB1146	Nông Văn	Sơn	05/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG007130	CNTT/21/1123	Đạt	
280	CNTTCB1147	Trần Xuân	Sơn	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	DBG007131	CNTT/21/1124	Đạt	
281	CNTTCB1148	Trương Hồng	Sơn	14/03/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,5	DBG007132	CNTT/21/1125	Đạt	
282	CNTTCB1149	Lăng Xuân	Tâm	25/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,0	DBG007133	CNTT/21/1126	Đạt	
283	CNTTCB1150	Leo Văn	Tâm	16/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,5	DBG007134	CNTT/21/1127	Đạt	
284	CNTTCB1151	Nguyễn Thanh	Tâm	29/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG007135	CNTT/21/1128	Đạt	
285	CNTTCB1152	Vi Văn	Tâm	02/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG007136	CNTT/21/1129	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
286	CNTTCB1153	Nguyễn Chí Tân	06/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG007137	CNTT/21/1130	Đạt	
287	CNTTCB1154	Vũ Nhật Tân	08/03/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,0	DBG007138	CNTT/21/1131	Đạt	
288	CNTTCB1155	Bùi Đình Tấn	14/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG007139	CNTT/21/1132	Đạt	
289	CNTTCB1156	Mai Kiên Thành	15/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG007140	CNTT/21/1133	Đạt	
290	CNTTCB1157	Nguyễn Xuân Thành	21/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	DBG007141	CNTT/21/1134	Đạt	
291	CNTTCB1158	Lâm Phương Thảo	02/11/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,0	5,0	DBG007142	CNTT/21/1135	Đạt	
292	CNTTCB1159	Nguyễn Thị Thảo	14/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	DBG007143	CNTT/21/1136	Đạt	
293	CNTTCB1160	Nguyễn Thị Thảo	21/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG007144	CNTT/21/1137	Đạt	
294	CNTTCB1161	Nguyễn Thu Thảo	14/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	DBG007145	CNTT/21/1138	Đạt	
295	CNTTCB1162	Trịnh Phương Thảo	28/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG007146	CNTT/21/1139	Đạt	
296	CNTTCB1163	Vũ Phương Thảo	06/09/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,5	DBG007147	CNTT/21/1140	Đạt	
297	CNTTCB1164	Trần Văn Thắng	15/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	5,0	DBG007148	CNTT/21/1141	Đạt	
298	CNTTCB1165	Vì Văn Thắng	29/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	DBG007149	CNTT/21/1142	Đạt	
299	CNTTCB1166	Hoàng Văn Thi	12/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG007150	CNTT/21/1143	Đạt	
300	CNTTCB1167	Triệu Thanh Thiên	01/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	DBG007151	CNTT/21/1144	Đạt	
301	CNTTCB1168	Phùng Ngọc Thiện	04/04/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,0	DBG007152	CNTT/21/1145	Đạt	
302	CNTTCB1169	Giáp Văn Thiệu	26/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG007153	CNTT/21/1146	Đạt	
303	CNTTCB1170	Hoàng Xuân Thịnh	13/04/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG007154	CNTT/21/1147	Đạt	
304	CNTTCB1171	Luân Văn Thịnh	16/02/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG007155	CNTT/21/1148	Đạt	
305	CNTTCB1172	Lý Thị Thịnh	15/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	5,0	DBG007156	CNTT/21/1149	Đạt	
306	CNTTCB1173	Giáp Thị Thơm	11/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,0	DBG007157	CNTT/21/1150	Đạt	
307	CNTTCB1174	Ân Thị Thu	11/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,7	5,5	DBG007158	CNTT/21/1151	Đạt	
308	CNTTCB1175	Nguyễn Thị Thu	23/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	DBG007159	CNTT/21/1152	Đạt	
309	CNTTCB1176	Giáp Đình Thuân	12/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG007160	CNTT/21/1153	Đạt	
310	CNTTCB1177	Nguyễn Thị Thúy	28/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	6,0	DBG007161	CNTT/21/1154	Đạt	
311	CNTTCB1178	Giáp Thị Thủy	20/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,5	DBG007162	CNTT/21/1155	Đạt	
312	CNTTCB1179	Leo Thị Thủy	18/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	6,0	DBG007163	CNTT/21/1156	Đạt	
313	CNTTCB1180	Lý Thị Thủy	10/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	5,5	DBG007164	CNTT/21/1157	Đạt	
314	CNTTCB1181	Trịnh Thị Thủy	15/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG007165	CNTT/21/1158	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
315	CNTTCB1182	Dương Văn	Thư	18/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	6,0	DBG007166	CNTT/21/1159	Đạt	
316	CNTTCB1183	Lưu Thị Lệ	Thư	07/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	6,0	DBG007167	CNTT/21/1160	Đạt	
317	CNTTCB1184	Nguyễn Thị	Thư	15/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG007168	CNTT/21/1161	Đạt	
318	CNTTCB1185	Trịnh Thị	Thư	07/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,5	DBG007169	CNTT/21/1162	Đạt	
319	CNTTCB1186	Vũ Minh	Thư	06/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG007170	CNTT/21/1163	Đạt	
320	CNTTCB1187	Trương Thị	Thương	10/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG007171	CNTT/21/1164	Đạt	
321	CNTTCB1188	Hứa Văn	Thường	12/09/2002	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG007172	CNTT/21/1165	Đạt	
322	CNTTCB1189	Nguyễn Đức	Thường	07/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	DBG007173	CNTT/21/1166	Đạt	
323	CNTTCB1190	Lưu Xuân	Tình	06/05/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,7	5,5	DBG007174	CNTT/21/1167	Đạt	
324	CNTTCB1191	Nguyễn Đức	Toán	22/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG007175	CNTT/21/1168	Đạt	
325	CNTTCB1192	Diệp Văn	Toàn	20/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,0	DBG007176	CNTT/21/1169	Đạt	
326	CNTTCB1193	Giáp Mạnh	Toàn	11/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG007177	CNTT/21/1170	Đạt	
327	CNTTCB1194	Phạm Đức	Tôn	06/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG007178	CNTT/21/1171	Đạt	
328	CNTTCB1195	Hoàng Thị	Trà	21/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,5	DBG007179	CNTT/21/1172	Đạt	
329	CNTTCB1196	Dương Thị Thu	Trang	07/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG007180	CNTT/21/1173	Đạt	
330	CNTTCB1197	Kiều Thị	Trang	07/06/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,0	DBG007181	CNTT/21/1174	Đạt	
331	CNTTCB1198	Lâm Thị	Trang	07/09/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,0	5,5	DBG007182	CNTT/21/1175	Đạt	
332	CNTTCB1199	Phạm Thị Huyền	Trang	06/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,5	DBG007183	CNTT/21/1176	Đạt	
333	CNTTCB1200	Phương Thu	Trang	25/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG007184	CNTT/21/1177	Đạt	
334	CNTTCB1201	Nguyễn Đức	Triển	08/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	DBG007185	CNTT/21/1178	Đạt	
335	CNTTCB1202	Leo Văn	Trọng	15/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	DBG007186	CNTT/21/1179	Đạt	
336	CNTTCB1203	Diệp Ngọc	Trung	16/02/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,2	5,5	DBG007187	CNTT/21/1180	Đạt	
337	CNTTCB1204	Bàn Xuân	Trường	14/07/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,5	6,0	DBG007188	CNTT/21/1181	Đạt	
338	CNTTCB1205	Dương Quang	Trường	27/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,5	5,5	DBG007189	CNTT/21/1182	Đạt	
339	CNTTCB1206	Lê Thanh	Tú	20/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	6,0	DBG007190	CNTT/21/1183	Đạt	
340	CNTTCB1207	Bằng Quốc	Tuấn	18/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,7	5,5	DBG007191	CNTT/21/1184	Đạt	
341	CNTTCB1208	Đình Quang	Tuấn	04/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG007192	CNTT/21/1185	Đạt	
342	CNTTCB1209	Nguyễn Văn	Tuấn	23/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG007193	CNTT/21/1186	Đạt	
343	CNTTCB1210	Triệu Quốc	Tuấn	29/10/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	6,0	DBG007194	CNTT/21/1187	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
344	CNTTCB1211	Vũ Tiến	Tuấn	09/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	DBG007195	CNTT/21/1188	Đạt	
345	CNTTCB1212	Leo Văn	Tùng	27/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,5	DBG007196	CNTT/21/1189	Đạt	
346	CNTTCB1213	Nguyễn Khắc	Tùng	23/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG007197	CNTT/21/1190	Đạt	
347	CNTTCB1214	Vĩ Văn	Tùng	22/06/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG007198	CNTT/21/1191	Đạt	
348	CNTTCB1215	Chu Văn	Tuyên	16/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,7	5,5	DBG007199	CNTT/21/1192	Đạt	
349	CNTTCB1216	Lý Mạnh	Tuyến	25/07/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	DBG007200	CNTT/21/1193	Đạt	
350	CNTTCB1217	Hoàng Tiểu	Tuyền	09/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	DBG007201	CNTT/21/1194	Đạt	
351	CNTTCB1218	Nguyễn Thị	Tuyền	20/08/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,5	DBG007202	CNTT/21/1195	Đạt	
352	CNTTCB1219	Lê Văn	Tuyền	04/10/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG007203	CNTT/21/1196	Đạt	
353	CNTTCB1220	Trần Thị Ánh	Tuyết	15/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG007204	CNTT/21/1197	Đạt	
354	CNTTCB1221	Bàn Thị	Tươi	16/08/2002	Bắc Giang	Nữ	Dao	6,0	6,0	DBG007205	CNTT/21/1198	Đạt	
355	CNTTCB1222	Nguyễn Thị	Tươi	14/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,5	DBG007206	CNTT/21/1199	Đạt	
356	CNTTCB1223	La Thị	Uyên	23/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	6,0	DBG007207	CNTT/21/1200	Đạt	
357	CNTTCB1224	Hà Bình	Văn	29/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	6,5	DBG007208	CNTT/21/1201	Đạt	
358	CNTTCB1225	Mã Thị Hồng	Vân	07/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	DBG007209	CNTT/21/1202	Đạt	
359	CNTTCB1226	Bùi Đức	Việt	18/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG007210	CNTT/21/1203	Đạt	
360	CNTTCB1227	Đinh Thế	Việt	27/11/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	DBG007211	CNTT/21/1204	Đạt	
361	CNTTCB1228	Dương Văn	Việt	15/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	6,0	DBG007212	CNTT/21/1205	Đạt	
362	CNTTCB1229	Phùng Văn	Việt	16/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG007213	CNTT/21/1206	Đạt	
363	CNTTCB1230	Tô Văn	Việt	03/05/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,5	DBG007214	CNTT/21/1207	Đạt	
364	CNTTCB1231	Hứa Văn	Vinh	10/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG007215	CNTT/21/1208	Đạt	
365	CNTTCB1232	Nguyễn Thành	Vinh	01/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG007216	CNTT/21/1209	Đạt	
366	CNTTCB1233	Vũ Văn	Vinh	22/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG007217	CNTT/21/1210	Đạt	
367	CNTTCB1234	Hoàng Tuấn	Vũ	22/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG007218	CNTT/21/1211	Đạt	
368	CNTTCB1235	Chu Thị	Vương	04/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,5	DBG007219	CNTT/21/1212	Đạt	
369	CNTTCB1236	Mạc Văn	Vương	13/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG007220	CNTT/21/1213	Đạt	
370	CNTTCB1237	Vĩ Văn	Vượng	13/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	5,5	DBG007221	CNTT/21/1214	Đạt	
371	CNTTCB1238	Hoàng Thị	Xuân	09/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	DBG007223	CNTT/21/1215	Đạt	
372	CNTTCB1239	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	04/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	6,0	DBG007224	CNTT/21/1216	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
373	CNTTCB1240	Nguyễn Văn Xuân	26/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG007225	CNTT/21/1217	Đạt	
374	CNTTCB1241	Vi Thị Xuân	24/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,5	DBG007226	CNTT/21/1218	Đạt	
375	CNTTCB1242	Vi Văn Xuyên	23/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	6,0	DBG007227	CNTT/21/1219	Đạt	
376	CNTTCB1243	Lăng Văn Yên	04/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,7	5,5	DBG007228	CNTT/21/1220	Đạt	
377	CNTTCB1244	Đỗ Thị Yên	27/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Diu	6,2	5,5	DBG007229	CNTT/21/1221	Đạt	
378	CNTTCB1245	Trần Hải Yên	20/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG007230	CNTT/21/1222	Đạt	
379	CNTTCB1246	Nghiêm Xuân Bằng	16/09/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	8,5	DBG007222	CNTT/21/1223	Đạt	
380	CNTTCB1247	Nguyễn Khắc Tùng	10/08/1992	Thái Nguyên	Nam	Kinh	7,7	8,0	DBG007231	CNTT/21/1224	Đạt	

Danh sách gồm 380 người./.